

THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 1/2018
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

STT	HỌ TÊN		ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế phải nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q1/2018	Số thuế chênh lệch		Ký Nộp
					Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Phải nộp thêm	Được thoái trả	
1	Trần Kim Thu	Liễu	Khoa KHCB h	77,296,360	27,000,000	10,800,000	3,428,376	36,067,984	2,404,398		2,404,398	-	
2	Nguyễn Phương	Hà	Khoa KHCB h	45,051,240	27,000,000	-	1,663,635	16,387,605	888,762		888,762	-	
3	Nguyễn Thị Huyền	Nga	Khoa KHCB h	59,808,600	27,000,000	-	2,367,729	30,440,871	2,316,132		2,316,132	-	
4	Trịnh Khắc	Vũ	Khoa KHCB h	42,571,620	27,000,000	-	1,459,089	14,112,531	705,627		705,627	-	
5	Nguyễn Thị Thu	Tâm	Khoa KHCB a	47,530,860	27,000,000	-	1,878,990	18,651,870	1,115,187		1,115,187	-	
6	Đình Trần Phương	Thảo	Khoa KHCB a	37,612,380	27,000,000	-	1,093,365	9,519,015	475,950		475,950	-	
7	Vương Thanh	Thủy	Khoa KHCB a	48,019,920	27,000,000	10,800,000	1,924,895	8,295,025	414,750		414,750	-	
8	Lê Nguyễn Mỹ	Trâm	Khoa KHCB a	44,131,620	27,000,000	-	1,472,727	15,658,893	815,889		815,889	-	
9	Phạm Thị Thu	Hiền	Khoa KHCB a	35,132,760	27,000,000	-	958,230	7,174,530	358,728		358,728	-	
10	Trần Thanh	Trúc	Khoa KHCB a	35,132,760	27,000,000	-	958,230	7,174,530	358,728		358,728	-	
11	Lê Văn	Bình	Khoa KHCB l	40,092,000	27,000,000	10,800,000	1,228,500	1,063,500	53,175		53,175	-	
12	Nguyễn Văn	Đông	Khoa KHCB l	47,530,860	27,000,000	10,800,000	1,878,990	7,851,870	392,595		392,595		
13	Nguyễn Thanh	Tú	Khoa KHCB l	52,530,100	27,000,000	21,600,000	2,246,928	1,683,172	84,159		84,159		
14	Nguyễn Văn	Hậu	Khoa KHCB t	37,612,380	27,000,000	-	1,093,365	9,519,015	475,950		475,950		
15	Hà Như	Mai	Khoa KHCB t	40,092,000	27,000,000	-	1,326,780	11,765,220	588,261		588,261		
16	Cao Thị	Nga	Khoa KHCB t	52,490,100	27,000,000	-	2,265,969	23,224,131	1,572,414		1,572,414		
17	Phạm Thị Thu	Nga	Khoa KHCB t	54,849,360	27,000,000	10,800,000	1,996,722	15,052,638	755,265		755,265		
18	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch	Khoa KHCB t	50,978,850	27,000,000	21,600,000	2,208,843	170,007	8,499		8,499		

STT	HỌ TÊN		ĐƠN VỊ	Tổng thu nhập chịu thuế/Quý	Các khoản giảm trừ/ Quý			Thu nhập tính thuế/quý	Số thuế phải nộp/quý	Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q1/2018	Số thuế chênh lệch		Ký Nộp
					Bản thân	Người phụ thuộc	Trừ bảo hiểm bắt buộc				Phải nộp thêm	Được thoái trả	
19	Nguyễn Đức	Thắng	Khoa KHCB tc	60,552,429	27,000,000	10,800,000	2,793,046	19,959,383	1,245,939		1,245,939		
20	Nguyễn Mạnh	Phương	Khoa KHCB tc	41,041,000	27,000,000	-	1,351,350	12,689,650	634,482		634,482		
21	Nguyễn Phú	Tân	Khoa KHCB tc	37,472,240	27,000,000	-	1,723,587	8,748,653	437,433		437,433		
22	Ngô Thanh	Điện	Khoa KHCB	50,485,240	27,000,000	10,800,000	1,708,599	10,976,641	548,832		548,832	-	
TỔNG CỘNG								286,186,734	16,651,155	-	16,651,155	-	

Tổng cộng thuế phải nộp thêm: 16,651,155 đồng

Bằng chữ: Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi một nghìn một trăm năm mươi lăm đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 10 tháng 05 năm 2018
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Thùy

Nguyễn Kinh

Phạm Hữu Lộc